

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-PT

Ngày 15/02/2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất, quyền sở hữu tài sản và yêu
cầu di dời tài sản trên đất .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Phùng Đức chính

Ông Chu Long Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà
Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản gắn liền với đất, di dời tài sản trên đất và yêu cầu khôi phục nguyên trạng*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nông Văn R, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nông Thị Thảo T, sinh năm 2001; vắng mặt.
2. Bà Lộc Thị C, sinh năm 1972; có mặt.
3. Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1992; có mặt.
4. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1994; Vắng mặt.
5. Anh Đàm Văn T, sinh năm 1992; có mặt.
6. Chị Vi Thị X, sinh năm 1992; vắng mặt.

7. Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1969; có mặt.
 8. Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1978; vắng mặt.
- Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nông Văn Đ, sinh năm 1957; vắng mặt.
2. Ông Vy Văn T, sinh năm 1967; có mặt.
3. Ông Đình Văn V, sinh năm 1961; vắng mặt.
4. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1943; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Ông Nông Văn R là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: *Nguyên đơn ông Nông Văn R trình bày:* Ông có thửa đất số 139 diện tích là 302 m² thuộc tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã Q lập năm 2005 là loại đất trồng cây lâu năm. Từ năm 1950 bố ông là Nông Đình V (đã chết năm 1998) khai phá để sử dụng. Đến năm 1960, ông Hoàng Thiện L là ông nội của ông Hoàng Văn L xin ông Nông Đình V cho làm nhà ở nhờ. Đến năm 1998, ông Hoàng Thiện L dỡ nhà và chuyển đi ở cùng con trai Hoàng Văn Đ, lúc ông Hoàng Thiện L dỡ nhà đi thì ông Nông Văn R có đến gặp ông Hoàng Thiện L và trao đổi về thửa đất số 139 thì ông Hoàng Thiện L có nói là “Đất của cháu thì cháu lấy”; khi đó ông Nông Văn R có đề nghị bà Lộc Thị L là con dâu của ông Hoàng Thiện L thu hoạch rau và khoai lang để trả lại đất cho ông R, bà L có nói là để cho bà L thời gian đến hết vụ rau thì trả lại đất cho nhà ông. Gia đình ông quản lý, sử dụng thửa đất từ năm 2001 đến năm 2011 thì bị ông Hoàng Văn L đến tranh chấp. Trong quá trình sử dụng đất ông đã nhiều lần yêu cầu cán bộ xã cho kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp theo ông dẫn đạc được xác định tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2022 có 304,4 m² trong đó thửa số 139 có diện tích là 243,5m²; thửa số 138 có diện tích là 52,2m²; thửa số 169 có diện tích là 8,7m². Ông Nông Văn R yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 243,5m² thuộc thửa số 139 và diện tích 52,2m² thuộc thửa số 138, tổng cộng là 295,7 m². Ông Nông Văn R không yêu cầu phần diện tích là 8,7m² thuộc thửa số 169; còn phần diện tích đất đã mở làm đường ông R không yêu cầu giải quyết. Các thửa đất nêu trên đều thuộc tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tài sản trên đất tranh chấp có 03 cây nhãn; 01 cây lát; 03 cây ổi, 01 cây bưởi; 26 khóm nghệ; 234 cây chuối hột; 80m² cỏ voi; 02 cây keo. Các cây trồng khác như cây nhãn, cây ổi, cây bưởi, cây chuối, khóm nghệ là do ông Hoàng Văn L trồng; cây keo và cỏ voi là do ông Hoàng Văn K em trai ông Hoàng Văn L trồng. Cây lát ông Nông Văn R khẳng định vợ ông trồng năm 2015, trên cơ sở đó ông yêu cầu Tòa án trung cầu giám định để chứng minh cây lát là tài sản của ông.

Nay ông yêu cầu Công nhận quyền sử dụng đất của ông đối với diện tích 295,7 m² đất đang tranh chấp. Buộc ông Hoàng Văn L và gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp, trả lại đất cho ông sử dụng. Yêu cầu ông Lý phải bồi thường thiệt hại do từ năm 2011 đến năm 2022 là 10 năm ông Hoàng Văn L tranh chấp ông R không canh tác được nên mất thu hoạch màu từ trồng ngô. Ước tính một năm 2 vụ, một mét vuông được 0,5kg ngô sản phẩm giá trung bình là 5.000đồng/kg. Tổng giá trị thiệt hại phải bồi thường là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Yêu cầu khắc phục đúng vị trí ranh giới thửa đất do ông Hoàng Văn L không quản lý tốt dẫn đến 52,2m² đất của ông R do ông Hoàng Văn L quản lý đã nằm trong thửa số 138 của bà Hoàng Thị Thu H, ông Hoàng Văn L phải khôi phục nguyên trạng. Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải di dời toàn bộ cây trồng trên đất để trả đất cho ông sử dụng.

Các chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, tiền thuê đo đạc và tiền giám định cây lát ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hoàng Văn L trình bày: Đất đang tranh chấp có diện tích là 295,7 m² tại thửa số 139 và một phần thửa số 138, tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính xã Q lập năm 2005, hiện nay nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Gia đình ông vẫn canh tác trồng cây ăn quả như bưởi, nhãn, chuối, cỏ voi và mấy khóm nghệ. Về nguồn gốc trước năm 1960 là của ông Nông Đình V (bố ông Nông Văn R), ông nội ông là ông Hoàng Thiện L được ông Nông Đình V cho làm nền nhà ở từ năm 1958, đến năm 1998 do tuổi cao sức yếu nên đã đi ở cùng chú ruột ông là ông Hoàng Văn Đ ở cùng thôn để tiện chăm sóc. Sau khi dỡ nhà vào năm 2000, ông Hoàng Văn Đ cho ông diện tích nền nhà. Ông đã canh tác và sử dụng ổn định từ đó đến nay, gia đình ông trồng cây chuối từ năm 2001, trồng 01 cây lát và 03 cây nhãn năm 2018; 01 cây bưởi trồng năm 2017; 03 cây ổi trồng năm 2019; 26 khóm nghệ trồng năm 2021; ông Hoàng Văn K (em trai ông Hoàng Văn L) trồng nhờ 80m² cỏ voi năm 2021 và 02 cây keo năm 2022. Từ khi ông sử dụng đất ổn định không ai đến tranh chấp. Năm 2012 ông Nông Văn R đến tranh chấp một lần, sau đó Ủy ban nhân dân xã Q hòa giải gia đình ông được quản lý và sử dụng. Sau đó đến năm 2021 thì ông Nông Văn R lại đến tranh chấp cho đến nay. Ông đồng ý với diện tích đất tranh chấp được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2022 và nhất trí với việc ông Nông Văn R không yêu cầu 8,7m² thuộc thửa số 169 của ông Vy Văn T. Ông không chấp nhận các yêu cầu của ông Nông Văn R, ông yêu cầu được quản lý và sử dụng tổng diện tích 295,7 m². Trong đó diện tích 243,5m² nằm trong thửa số 139 và 52,2m² nằm trong thửa số 138 vì đất này ông nội ông đã sử dụng từ năm 1958 đến năm 1998, sau đó ông sử dụng cho đến nay. Ông Nông Văn R không hề sử dụng đất, không phải là người sử dụng đất nên không thể tính quy ra giá ngô để bắt ông bồi thường. Ông không thỏa thuận mượn đất hay giữ đất cho ông R nên ông không có trách nhiệm đòi đất từ thửa 138 của bà Hoàng Thị Thu H về cho ông R. Ông không chấp nhận di dời tài sản vì cây ông trồng trên đất của ông, nên ông có quyền sử dụng. Đối với diện tích 52,2m² nằm trong thửa số 138 là do đơn vị đo vẽ bản đồ đưa vào, đất hiện nay ông vẫn đang quản lý, ông và bà

Hoàng Thị Thu H đã thỏa thuận sẽ tự kê khai để chỉnh lý không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, tiền thuê đo đạc và tiền giám định ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bên phía bị đơn: Bà Lộc Thị C, anh Hoàng Văn P, chị Hoàng Thị L, anh Đàm Văn T, chị Vi Thị X đều có ý kiến đồng ý với ý kiến của ông Hoàng Văn L, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Thu H trình bày: Bà là con ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1932 (đã chết năm 2014). Gia đình bà có thửa đất số 138 là đất vườn giáp đất nhà ông Hoàng Văn L, đất vườn này từ trước đến nay vẫn sử dụng trồng hoa màu. Năm 1994 giữa ông Hoàng Văn Đ và ông Hoàng Thiện L (ông nội của ông Hoàng Văn L) xảy ra tranh chấp, sau đó hai gia đình đã mời thôn về giải quyết và thống nhất ranh giới như hiện trạng hàng rào cúc tần hiện nay. Năm 2005 khi đo đạc có đo sang đất vườn nhà ông Hoàng Văn L là vì thời điểm đó các hộ khai thác gỗ làm đường đi qua chỗ diện tích 52,2m² nên công ty đo đạc đo nhầm cho nên khi đo vẽ trên bản đồ thửa 138 có đo sang 52,2m². Hiện nay bà đang canh tác sử dụng từ hàng rào cúc tần trở vào, không canh tác, sử dụng sang diện tích 52,2m² đang tranh chấp, hiện nay phần diện tích này là do ông Hoàng Văn K trồng cỏ voi và 02 cây keo. Bà Hoàng Thị Thu H không tranh chấp, không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn K trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Nông Văn R và ông Hoàng Văn L là nền nhà cũ của ông Hoàng Thiện L, sau khi ông L dời nhà và các chú ruột của ông K đã cho ông Hoàng Văn L sử dụng, cỏ voi ông K trồng năm 2021 là do ông K xin ông Hoàng Văn L trồng nhờ, còn 02 cây keo mới trồng là ông K đi trồng rừng còn thừa nên đem trồng xuống diện tích đất ông Lý. Nay ông K không yêu cầu gì về số cỏ voi và cây keo mà để cho ông Hoàng Văn L quản lý, sử dụng.

Những người làm chứng; gồm các ông Nông Văn Đ, Vy Văn T, Đinh Văn V, Hoàng Văn Đ, đều khẳng định diện tích đất tranh chấp là đất nền nhà ông Hoàng Thiện L, ông nội của ông Hoàng Văn L, sau khi dời nhà thì thấy ông Lý canh tác, sử dụng từ năm 2000 đến nay, không thấy ông R canh tác, sử dụng đất bao giờ.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ như sau: Diện tích đất tranh chấp theo dẫn đạc là 304,4m² thuộc các thửa 138, 139 và 169 tờ bản đồ số 38, tờ bản đồ địa chính xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn tỉ lệ 1/1.000. Thuộc loại đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 2, xã nhóm II; trong đó nguyên đơn không yêu cầu giải quyết diện tích 8,7m² nằm trong thửa số 169 của ông Vy Văn T.

Diện tích đất tranh chấp được xác định là 295,7 m² có các phía tiếp giáp như sau: Phía đông tiếp giáp đất bà Hoàng Thị Thu H quản lý (thửa đất số 138); phía tây giáp đường đất; phía nam tiếp giáp đất ông Vy Văn T quản lý (thửa đất số 169); phía bắc tiếp giáp với đường đất.

Tài sản trên đất gồm: Cây Nhãn có 03 cây, trong đó có 01 cây đường kính gốc là 07cm; có 02 cây đường kính gốc từ 02 đến 05 cm, các cây nhãn bị đốn ông Hoàng Văn L khai trồng năm 2018; cây lát có 01 đường kính 08 cm, ông Rành khai trồng năm 2015, bị đốn ông Lý khai trồng năm 2018; cây ổi có 03 cây trong đó có 02 cây đường kính gốc từ 02 đến 05cm, 01 cây có đường kính gốc là 06cm; ông Hoàng Văn L khai ông Lý trồng năm 2019; cây bưởi: Có 01cây đường kính gốc 03cm ông Hoàng Văn L khai trồng năm 2017; khóm nghệ có 26 khóm do gia đình ông Lý trồng năm 2021(mỗi khóm trên 10 cây); cây chuối hột có 234 cây do gia đình ông Lý trồng năm 2001; cỏ voi: Có khoảng 80m² là do ông Hoàng Văn K (em ruột ông Hoàng Văn L) trồng năm 2021 và cây keo: Có 02 cây đường kính gốc dưới 05 cm có chiều cao 30cm là do ông Hoàng Văn K (em ruột ông Hoàng Văn L) trồng năm 2022. Ngoài ra trên diện tích đất tranh chấp không có tài sản gì khác.

Kết quả định giá: Giá đất: Đơn giá là 37.000đ/m² . Giá tài sản trên đất: Tài sản gồm: 03 cây Nhãn; 01 cây Lát; 03 cây Ổi; 01 cây Bưởi; 26 khóm Nghệ; 234 cây Chuối hột; khoảng 80m² Cỏ voi; 02 cây Keo. Tổng giá trị tài sản là 7.765.000đ (bảy triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã Căn cứ vào Căn cứ Điều 5; các khoản 6, 9, 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 150; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 165; các Điều 92, 227, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 690, 691, 692, 693 của Bộ luật Dân sự năm 1993.

Căn cứ vào các Điều 115, 164, 169, 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 10 Điều 12; các Điều 17, 166, 202; 203 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; các điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quyền sử dụng đất:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nông Văn R yêu cầu được quyền, quản lý và sử dụng diện tích 295,7m² trong đó diện tích 243,5m² thuộc thửa 139; diện tích 52,2m² thuộc thửa 138 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã Q lập năm 2005, địa chỉ tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Ông Hoàng Văn L, bà Lộc Thị C tiếp tục được quản lý và sử dụng diện tích 295,7m² trong đó diện tích 243,5m² thuộc thửa 139; diện tích 52,2m² thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã Q lập năm 2005, địa chỉ tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Đất có các phía tiếp giáp: (có mảnh trích đo kèm theo).

1.3. Buộc nguyên đơn, ông Nông Văn R và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn, chị Nông Thị Thảo T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất của hộ gia đình ông Hoàng Văn L, bà Lộc Thị C đối với diện tích 295,7m² đất nêu trên.

1.4. Ông Hoàng Văn L, bà Lộc Thị C có nghĩa vụ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 295,7 m² nêu tại mục 1.2 theo quy định của pháp luật.

1.5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nông Văn R đòi khôi phục nguyên trạng đất.

2. Về tài sản trên đất:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nông Văn R về di dời tài sản.

2.2. Ông Hoàng Văn L, bà Lộc Thị C được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm: 03 cây Nhãn; 03 cây Ổi; 01 cây Bưởi; 26 khóm Nghệ; 234 cây Chuối hột; khoảng 80m² Cỏ voi; 02 cây Keo.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nông Văn R đòi bồi thường thiệt hại về tài sản gắn liền với đất.

4. Về chi phí tố tụng:

4.1. Nguyên đơn ông Nông Văn R phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc lồng ghép bản đồ và định giá tài sản, tổng cộng là 15.938.000 đồng (mười lăm triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng). Xác nhận ông Nông Văn R đã nộp đủ.

4.2. Nguyên đơn ông Nông Văn R phải chịu chi phí giám định, tổng chi phí: 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Nông Văn R đã nộp đủ.

Trong hạn luật định nguyên đơn ông Nông Văn R có kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nông Văn R vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu được quyền, quản lý và sử dụng diện tích 295,7m² trong đó diện tích 243,5m² thuộc thửa 139; diện tích 52,2m² thuộc thửa 138 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã Q lập năm 2005, tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Buộc ông Hoàng Văn L và gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp, trả lại đất cho ông sử dụng. Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải bồi thường thiệt hại do từ năm 2011 đến năm 2022 là 10 năm. Tổng giá trị thiệt hại phải bồi thường là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Yêu cầu khắc phục đúng vị trí ranh giới thửa đất. Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải di dời toàn bộ cây trồng trên đất để trả đất cho ông sử dụng.

Bị đơn ông Hoàng Văn L không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký

phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nông Văn R làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đối với các nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nông Văn R, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của các bên đương sự và người làm chứng tại phiên tòa hôm nay thấy rằng; nguyên đơn không cung cấp được những tài liệu chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo của mình, nên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm còn có thiếu sót khi nhận định, đánh giá và quyết định, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm có thể sửa để khắc phục những vấn đề thiếu sót như sau: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 304,4m² thuộc các thửa 139,138 và 169 tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính xã Q, huyện C lập năm 2005. Tuy nhiên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nông Văn R không yêu cầu giải quyết phần diện tích 8,7m² thuộc thửa 169 tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính xã Q, nhưng Bản án sơ thẩm không tuyên đình chỉ việc giải quyết đối với nội dung này là thiếu sót.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng của ông Nông Văn R. Tuy nhiên Bản án còn có thiếu sót như nêu tại phần trên nên cần phải sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng họ đã có văn bản ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt, một số người làm chứng vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của ông Nông Văn R, yêu cầu được quyền, quản lý và sử dụng diện tích 295,7m² trong đó diện tích 243,5m² thuộc thửa 139; diện tích 52,2m² thuộc thửa 138 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã Q lập năm 2005, tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Buộc ông Hoàng Văn L và gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp, trả lại đất cho ông sử dụng. Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải bồi thường thiệt hại do từ năm 2011 đến năm 2022 là 10 năm. Tổng giá trị thiệt hại phải bồi thường là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Yêu cầu khắc phục đúng vị trí ranh giới thửa đất. Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải di dời toàn bộ cây trồng trên đất để trả đất cho ông sử dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng; Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Năm 1960, ông Hoàng Thiện L là ông nội

của ông Hoàng Văn L xin ông Nông Đình V bố của R cho làm nhà ở nhờ. Đến năm 1998, ông Hoàng Thiện L dỡ nhà và chuyển đi ở cùng con trai Hoàng Văn Đ. Việc ông R cho rằng bố ông chỉ cho ông Hoàng Thiện L là ông nội của ông Hoàng Văn L làm nhà là ở nhờ trên đất của bố ông, nhưng không đưa ra được chứng cứ về việc giao dịch cho ở nhờ để xác định các thỏa thuận cụ thể. Việc trả lại đất như thế nào, ai giao, ai nhận cũng không có tài liệu, chứng cứ. Mặt khác, thời điểm năm 1998 căn cứ các Điều 690, 691, 692, 693 Bộ luật Dân sự năm 1995 có hiệu lực pháp luật đã quy định hình thức giao dịch về đất đai phải được lập thành văn bản có chứng thực, tuân theo quy định của pháp luật, nhưng ông R không thực hiện, không cung cấp được nên không có căn cứ để chấp nhận. Hơn nữa, bị đơn ông Hoàng Văn L thừa nhận là nguồn gốc thửa đất tranh chấp trước đây của ông Nông Đình V. Năm 1958 ông Nông Đình V cho ông nội ông là ông Hoàng Thiện L (đã chết 2004) làm nhà ở, (BL số 141), đến năm 1998 do tuổi cao sức yếu nên ông Hoàng Thiện L đã đi ở cùng ông Hoàng Văn Đ. Sau khi dỡ nhà, vào năm 2000 thì ông Hoàng Văn Đ cho ông Hoàng Văn L diện tích đất nêu trên. Ông Hoàng Văn L đã canh tác và sử dụng ổn định từ đó đến nay, gia đình ông Hoàng Văn L trồng cây ăn quả, cây hoa màu trên đất, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 Ủy ban nhân dân xã Q đã giải quyết tranh chấp giữa ông Rành với ông Hoàng Văn L về mảnh đất này, trong thông báo kết quả giải quyết Ủy ban nhân dân xã đã giải quyết cho ông Lý, ông R không có ý kiến gì đến nay lại khởi kiện là không có căn cứ (BL số 147). Ông Hoàng Văn L đã cung cấp đơn đề ngày 11/01/1994 do ông Hoàng Thiện L viết, có xác nhận và chữ ký của ông Nông Đình V (bố ông R) với nội dung đã cho ông Hoàng Thiện L đất để làm nhà (BL số 140). Chứng cứ này phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ chứng minh lời trình bày của bị đơn ông Hoàng Văn L là đúng sự thật. Thực tế hiện nay ông Hoàng Văn L bà Lộc Thị C đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng thường xuyên, liên tục, đúng mục đích nên được quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, kháng cáo yêu cầu được quyền, quản lý và sử dụng diện tích 295,7m² trong đó diện tích 243,5m² thuộc thửa 139; diện tích 52,2m² thuộc thửa 138 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã Q lập năm 2005, của ông Nông Văn R không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu ông Hoàng Văn L phải bồi thường thiệt hại 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) do từ năm 2011 đến năm 2022 là 10 năm. Yêu cầu khắc phục đúng vị trí ranh giới thửa đất. Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải di dời toàn bộ cây trồng trên đất để trả đất cho ông sử dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng; như đã nhận định tại mục [2] phần trên của bản án, việc ông Nông Văn R kháng cáo đối với các yêu cầu trên là không có căn cứ. Bởi, diện tích đất tranh chấp gia đình ông Hoàng Văn L đã quản lý sử dụng liên tục từ những năm 1958 cho đến nay. Mặt khác, diện tích 52,2m² thuộc một phần thửa đất số 138 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã Q lập năm 2005, hiện bà Hoàng Thị Thu H là người quản lý sử dụng, không có tranh chấp với ai. Hơn nữa, tại Thông báo kết quả hòa giải số 06/TB-UBND ngày 12/7/2013 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C thì thửa số 139, diện tích 302m² phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và mảnh

trích đo khu đất tranh chấp ngày 25/8/2022 có trong hồ sơ vụ án (BL 108), thì diện tích thửa số 139 không thay đổi. Nay ông Nông Văn R yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 52,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 138 tờ bản đồ số 38 Bản đồ địa chính xã Q lập năm 2005 và Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải bồi thường thiệt hại 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), khắc phục đúng vị trí ranh giới thửa đất. Yêu cầu ông Hoàng Văn L phải di dời toàn bộ cây trồng trên đất để trả đất cho ông sử dụng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với diện tích 8,7m² trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm đã đi xem xét thẩm định tại chỗ: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2022 do ông R dẫn đặc thì diện tích đất trên nằm trong thửa 169 có diện tích 8,7m². Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nông Văn R không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần diện tích này (BL 220, 222). Nên Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết là có cơ sở. Hơn nữa, quyền và nghĩa vụ của đương vẫn được đảm bảo, không bị ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nông Văn R không được chấp nhận, vì không có căn cứ; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, được Hội đồng xét xử chấp nhận đối với những vấn đề phù hợp; không chấp nhận ý kiến không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông Nông Văn R là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn R; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nông Văn R được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Cao Đức Chiến